

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên
tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Quyết định số 3568/QĐ-ĐHQGHN ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) về việc ban hành Quy định về Tổ chức và hoạt động của các đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc ĐHQGHN;

Căn cứ Quy định về Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn ban hành theo Quyết định số 510/QĐ-XHNV-TC ngày 05/03/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn;

Căn cứ Quyết định số 4326/QĐ-ĐHQGHN ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Giám đốc ĐHQGHN quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên tại ĐHQGHN;
Theo đề nghị của Trường phòng Tổ chức Cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Giám đốc ĐHQGHN (để b/c)
- BGH (để b/c)
- Lưu: VT, TCCB, KH-TC.



HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Anh Tuấn

QUY ĐỊNH

Về chế độ làm việc đối với giảng viên tại
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội
(Kèm theo QĐ số 5637/QĐ-XHNV ngày 29 tháng 12 năm 2023 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định chế độ làm việc đối với giảng viên, bao gồm: Nhiệm vụ cụ thể của các chức danh; quy định về thời gian làm việc, định mức giờ chuẩn giảng dạy, nghiên cứu khoa học của giảng viên.
2. Quy định này áp dụng đối với giảng viên cơ hữu (sau đây gọi là giảng viên) và các tổ chức, cá nhân có liên quan của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (ĐHKHXH & NV), Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

Điều 2. Mục đích

1. Làm căn cứ để Trường ĐHKHXH & NV phân công, bố trí, sử dụng giảng viên hợp lý và khoa học; nâng cao hiệu quả, chất lượng làm việc của giảng viên và nâng cao hiệu quả công tác quản lý lao động của Nhà trường.
2. Làm căn cứ để Trường ĐHKHXH & NV thẩm định, kiểm tra, đánh giá và xây dựng chính sách, chương trình đào tạo và bồi dưỡng giảng viên.
3. Làm căn cứ để giảng viên xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng, các hoạt động chuyên môn khác và học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
4. Làm cơ sở để Trường ĐHKHXH & NV đánh giá, xếp loại chất lượng giảng viên hàng năm; đánh giá, xét thi đua khen thưởng, có các chế độ khuyến khích, khen thưởng đối với giảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; xây dựng chính sách miễn giảm giờ giảng dạy và hỗ trợ tài chính đối với giảng viên có thành tích vượt trội, sản phẩm vượt định mức về nghiên cứu khoa học và công bố quốc tế; đảm bảo tính công khai, công bằng, dân chủ trong việc phân công lao động và thực hiện chế độ, chính sách, quyền và nghĩa vụ đối với giảng viên.

Điều 3. Nhiệm vụ của các chức danh giảng viên

1. Nhiệm vụ của các chức danh giảng viên được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập; Quyết định số 4326/QĐ-ĐHQGHN ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên tại ĐHQGHN.

2. Giảng viên là giáo sư, phó giáo sư ngoài việc thực hiện nhiệm vụ của giảng viên quy định tại Khoản 1 Điều này còn phải thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Quyết



định 37/2018/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định, tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; thủ tục xét hủy bỏ công nhận chức danh và miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ THỜI GIAN LÀM VIỆC, ĐỊNH MỨC GIỜ CHUẨN GIẢNG DẠY, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Điều 4. Quy định về thời gian làm việc

Tổng thời gian làm việc của giảng viên trong một năm học sau khi trừ số ngày nghỉ theo quy định là 44 tuần (tương đương 1.760 giờ hành chính) để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học (NCKH), phục vụ cộng đồng và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác.

Giờ chuẩn giảng dạy (sau đây gọi tắt là giờ chuẩn) là đơn vị thời gian quy đổi từ số giờ lao động cần thiết để hoàn thành khối lượng một công việc nhất định thuộc nhiệm vụ của giảng viên tương đương cho một tiết giảng lý thuyết trình độ đại học trực tiếp trên lớp (hoặc giảng dạy trực tuyến), bao gồm thời gian lao động cần thiết trước, trong và sau tiết giảng. Mỗi giờ chuẩn giảng dạy tương đương với 03 giờ hành chính. Giờ chuẩn giảng dạy (đơn vị là giờ hành chính hoặc giờ chuẩn) được tính từ giờ thực hiện các nhiệm vụ đào tạo như giảng lý thuyết; coi thi, chấm thi kết thúc học phần; chấm khóa luận tốt nghiệp, luận văn, luận án.

Giờ NCKH (đơn vị là giờ hành chính) được tính từ giờ thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ như viết bài báo, báo cáo khoa học, sách tham khảo, chuyên khảo; chủ trì, tham gia các đề tài, đề án NCKH và dự án chuyển giao công nghệ;...

Giờ thực hiện các nhiệm vụ khác được tính từ giờ phục vụ cộng đồng, giờ thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ trực tiếp hoặc gián tiếp tới công tác đào tạo và công tác NCKH của Trường, giờ thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng...

Tổng quỹ thời gian làm việc của giảng viên được phân chia theo từng nhiệm vụ như sau:

Đơn vị: Giờ hành chính

STT	Nhiệm vụ	Chức danh						
		Giảng viên (Hạng III)		Giảng viên chính (Hạng II)		Giảng viên cao cấp (Hạng I)		
		Giảng viên chưa đạt trình độ tiến sĩ	Giảng viên có học vị tiến sĩ	Giảng viên chính chưa đạt trình độ tiến sĩ	Giảng viên chính có học vị tiến sĩ	Giảng viên cao cấp có học vị Tiến sĩ	Giảng viên cao cấp có chức danh Phó Giáo sư	Giảng viên cao cấp có chức danh Giáo sư
1	Giảng dạy	810	810	810	810	810	810	810
2	Nghiên cứu khoa học	600	650	650	700	750	800	850
3	Phục vụ cộng đồng và thực hiện các nhiệm vụ	350	300	300	250	200	150	100

	vụ chuyên môn khác						
--	--------------------	--	--	--	--	--	--

Điều 5. Quy định về định mức giờ chuẩn giảng dạy.

1. Định mức giờ chuẩn giảng dạy của giảng viên trong một năm học: được quy định là 270 giờ (tương đương 810 giờ làm việc hành chính), trong đó giờ chuẩn giảng dạy thực tế trên lớp (bậc đại học, sau đại học) trực tiếp hoặc trực tuyến phải đạt tối thiểu 50%.

2. Định mức giờ chuẩn giảng dạy đối với giảng viên giữ chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc kiêm nhiệm công tác Đảng, đoàn thể (từ cấp phó trưởng bộ môn hoặc tương đương trở lên): được tính theo tỷ lệ % của định mức này đối với từng chức danh, chức vụ cụ thể áp dụng tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT. Định mức giảm giờ được quy định chi tiết tại Quy chế chi tiêu nội bộ.

Giảng viên kiêm nhiệm nhiều chức vụ lãnh đạo, quản lý chỉ được hưởng một định mức giảm cao nhất.

3. Giảng viên chưa có học vị tiến sĩ được cử đi đào tạo (trong thời gian đào tạo chuẩn): được giảm 50% định mức giờ chuẩn giảng dạy. Giảng viên đã trúng tuyển đào tạo tiến sĩ trước khi được tuyển dụng vào Trường được giảm 50% định mức giờ chuẩn giảng dạy kể từ thời điểm được tuyển dụng cho đến hết thời gian đào tạo chuẩn.

4. Giảng viên trong thời gian tập sự, thử việc: hưởng mức lương 85%, chỉ thực hiện tối đa 50% định mức giờ chuẩn, đồng thời được miễn giảm nhiệm vụ NCKH để dành thời gian tham gia dự giờ, trợ giảng và tham gia thực tập, thực tế.

5. Giảng viên đi nước ngoài: trong thời gian ở nước ngoài thực hiện nhiệm vụ theo quy định pháp luật và quy định hiện hành của Nhà trường; Thời gian ở trong nước thì % giảm giờ chuẩn được tính như sau: % giảm định mức = số ngày đi nước ngoài/ (44 tuần x 5 ngày/tuần).

6. Giảng viên trong thời gian nghỉ hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội, nghỉ theo các quy định của Bộ luật Lao động hiện hành: được miễn giảm định mức giờ chuẩn giảng dạy theo tỷ lệ tương ứng với thời gian nghỉ.

7. Giảng viên đang là quân nhân dự bị, tự vệ được triệu tập huấn luyện, diễn tập hàng năm, thời gian tham gia huấn luyện, diễn tập: được tính quy đổi một ngày làm việc bằng 2,5 giờ chuẩn giảng dạy.

8. Quy đổi hệ số giờ dạy và một số nhiệm vụ chuyên môn sang giờ thực hiện nhiệm vụ giảng dạy được quy định chi tiết tại Quy chế chi tiêu nội bộ.

Số giờ quy đổi được xem xét tính vào tổng định mức giờ chuẩn giảng dạy để đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trong năm đối với giảng viên không vượt định mức giờ chuẩn giảng dạy hoặc xét thi đua khen thưởng đối với giảng viên thực hiện đủ/vượt định mức giờ chuẩn giảng dạy; không xem xét tính thanh toán vượt giờ.

Điều 6. Quy định về nhiệm vụ nghiên cứu khoa học

1. Giảng viên phải dành tối thiểu 600 giờ hành chính trong một năm học để thực hiện các nhiệm vụ NCKH. Giờ NCKH của các chức danh giảng viên được quy định cụ thể tại Điều 4.

2. Trong 02 năm (từ năm 2023 đến hết năm 2024), mỗi giảng viên đảm bảo một trong các định mức công bố sản phẩm khoa học sau:

- Tối thiểu 01 bài báo khoa học trên tạp chí thuộc cơ sở dữ liệu WoS hoặc Scopus.
- Tối thiểu 01 sách chuyên khảo hoặc 02 chương sách chuyên khảo bằng tiếng nước ngoài do nhà xuất bản quốc tế có uy tín hoặc nhà xuất bản thuộc trường đại học nằm trong nhóm 1000 trường đại học hàng đầu thế giới xuất bản;

- Tối thiểu 01 bằng độc quyền sáng chế theo chuẩn Patent tại Việt Nam hoặc chuẩn Patent của Mỹ hoặc Châu Âu, Đông Bắc Á; Tối thiểu 01 bằng độc quyền giải pháp hữu ích;

3. Từ năm 2025, cứ 02 năm liên tiếp, mỗi giảng viên đảm bảo định mức công bố tối thiểu 01 bài báo khoa học trên tạp chí thuộc cơ sở dữ liệu WoS hoặc Scopus.

4. Mức giảm giờ NCKH đối với giảng viên giữ chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc kiêm nhiệm công tác Đảng, đoàn thể (từ cấp phó trưởng bộ môn hoặc tương đương trở lên) được tính tương đương tỷ lệ giảm giờ chuẩn giảng dạy (quy định chi tiết tại Quy chế chi tiêu nội bộ).

5. Mức giảm giờ NCKH đối với giảng viên được quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều 5 được tính tương đương tỷ lệ giảm giờ chuẩn giảng dạy.

6. Quy đổi số giờ thực hiện nhiệm vụ NCKH từ các loại hình sản phẩm khoa học công nghệ và kinh phí chuyển giao khoa học công nghệ được quy định chi tiết tại Quy chế chi tiêu nội bộ.

Điều 7. Chế độ đối với giảng viên hoàn thành vượt định mức các nhiệm vụ

1. Giảng viên có số giờ chuẩn giảng dạy (gồm giờ dạy trực tiếp trên lớp và trực tuyến) vượt định mức:

a) Được hưởng chế độ thanh toán làm việc vượt giờ theo quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường.

b) Được quy đổi giờ chuẩn giảng dạy vượt định mức sang giờ làm việc để thực hiện nhiệm vụ NCKH tối thiểu còn thiếu (số giờ còn thiếu không vượt quá 30% giờ định mức NCKH).

Giờ chuẩn giảng dạy vượt định mức = Giờ NCKH thiếu định mức x 1/3.

Số giờ chuẩn giảng dạy được sử dụng để quy đổi không được tính để hưởng chế độ thanh toán vượt giờ.

2. Giảng viên hoàn thành tổng thời gian làm việc trong năm học và có số giờ NCKH vượt định mức theo quy định về định mức công bố sản phẩm khoa học thì được giảm định mức giờ chuẩn giảng dạy nếu là tác giả của một số sản phẩm khoa học vượt định mức, chi tiết theo bảng dưới đây:

TT	Sản phẩm khoa học	Số giờ chuẩn giảng dạy được giảm
1	Tạp chí khoa học thuộc danh mục cơ sở dữ liệu WoS/Scopus và có ưu tiên đối với tạp chí thuộc danh mục Q1 của cơ sở dữ liệu Scopus	80 giờ/1 bài báo
2	Chương sách chuyên khảo tại nhà xuất bản quốc tế có uy tín	80 giờ/01 chương sách
3	Sách chuyên khảo xuất bản tại nhà xuất bản quốc tế có uy tín	120 giờ/01 sách chuyên khảo
4	Bằng độc quyền giải pháp hữu ích	80 giờ/01 bằng
5	Bằng độc quyền sáng chế (chuẩn Patent tại Việt Nam)	80 giờ/01 bằng
6	Bằng độc quyền sáng chế (chuẩn Patent của Mỹ hoặc Châu Âu, Đông Bắc Á)	120 giờ/01 bằng

Tổng số giờ giảm định mức tối đa bằng 50% giờ chuẩn giảng dạy.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Trường

1. Trường các đơn vị đào tạo trực thuộc Trường căn cứ các quy định tại văn bản này có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc áp dụng chế độ làm việc đối với từng giảng viên tại đơn vị.

2. Các Khoa, Bộ môn xây dựng kế hoạch công tác chung của đơn vị theo từng học kỳ, năm học; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng giảng viên đảm bảo công khai, dân chủ trên cơ sở định mức giờ chuẩn, thời gian làm việc theo chức danh nghề nghiệp và kế hoạch đã được Hiệu trưởng phê duyệt; tổ chức việc kê khai, kiểm tra, xác định khối lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hoạt động chuyên môn và các nhiệm vụ khác của từng giảng viên trong năm học; tổng hợp toàn bộ khối lượng công việc của giảng viên thuộc đơn vị.

3. Phòng Tổ chức Cán bộ phối hợp cùng Phòng Đào tạo, Phòng Quản lý Nghiên cứu Khoa học, Phòng Hợp tác và Phát triển, Phòng Thanh tra và Pháp chế theo dõi, kiểm tra, tổng hợp khối lượng công việc của giảng viên toàn Trường gắn với công tác thi đua - khen thưởng và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên tại các đơn vị, báo cáo Hiệu trưởng phê duyệt.

4. Phòng Kế hoạch-Tài chính thực hiện việc thanh toán chế độ đối với giảng viên theo quy định của pháp luật và Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường ĐHKHXH & NV.

Điều 9. Trách nhiệm của giảng viên

Giảng viên có trách nhiệm xây dựng kế hoạch công tác năm học của cá nhân theo chức trách, nhiệm vụ được giao và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp được pháp luật quy định; Thực hiện nghiêm túc kế hoạch đã được phê duyệt; Kê khai, báo cáo kết quả thực hiện định mức giờ chuẩn, giờ nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và các hoạt động chuyên môn khác theo quy định tại văn bản này và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Quy định này áp dụng từ năm học 2023-2024.

2. Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, Phòng Tổ chức Cán bộ là đơn vị đầu mối tập hợp ý kiến và đề nghị Hiệu trưởng xem xét và sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.



GS.TS. Hoàng Anh Tuấn